TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PR** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/HSST
Ngày: 06/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PR, TỈNH GIA LAI
***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Khả Thế**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Siu H'Thoan**

Nghề nghiệp: Cán bộ

2. Ông **Đặng Hồng Việt**

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Bà **Vũ Thị Thùy Nhung** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Lê Đức Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1.Siu T, (tên gọi khác: Siu T), sinh năm:1967. Tại huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Nơi Đăng ký HKTT: Làng B, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Làng B, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông Rơ Măh B, (đã chết) và bà Siu C, (đã chết), gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con lớn trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 1978, có vợ là Kpuih P, sinh năm: 1968 và có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2001;Tiền án; tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

2. Rơ Măh Đ, sinh năm: 1986; Tại huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Trú tại: Làng B, xã Ia P, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông Siu Đ (đã chết) và bà Rơ Măh H (đã chết), gia đình bị cáo có 2 anh, em nhỏ nhất sinh năm 1990 bị cáo là con lớn trong gia đình có vợ là Rơ Măh Ơ, sinh năm: 1990 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2016;Tiền án; tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

3. **Rơ Măh B**, sinh năm:1983. Tại huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Trú tại: Làng B, xã Ia , huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông Kpuih L (đã chết) và bà Rơ Măh I (đã chết), bị cáo là con duy nhất trong gia đình có vợ là Rơ Măh P, sinh năm: 1983 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

4.Rơ Măh L, sinh năm: 1995; Tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; Nơi Đăng ký HKTT: Làng Brang, xã Ia Púch, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai;Chỗ ở hiện nay: Làng B, xã Ia P, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông Siu M, (đã chết) và bà Rơ Măh P, (đã chết), gia đình bị cáo có 02 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình có vợ là Rơ măh L và 01 người con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

5.**Rơ Lan T**, sinh năm: 1980, tại huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Trú tại: Làng B, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông Rơ Măh B, (đã chết) và bà Rơ Lan B, (đã chết), gia đình bị cáo có 08 em ruột, bị cáo là con lớn trong gia đình, nhỏ nhất sinh năm 2001 có vợ là Siu Y. Sinh năm: 1984, bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

6. Rơ Lan T, sinh năm: 1987, tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; Trú tại: Làng B, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai;Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông Rơ Măh B, (Chết) và bà Rơ Lan B, (đã chết), gia đình bị cáo có 08 anh, em,lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2001, bị cáo là con thứ hai trong gia đình có vợ là Siu K và 01 con sinh năm 2010; Tiền án; tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

7. Rơ Lan T, sinh năm: 1990, tại huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai;Trú tại: Làng B, xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề Nghiệp: Làm nông con ông Kpuih G; sinh năm: 1964 và bà Rơ Lan B: sinh năm 1964 gia đình bị cáo có 04 anh, em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1994, bị cáo là con thứ hai trong gia đình có vợ là Kpuih B và có 05 con lớn nhất sinh 2003, nhỏ sinh năm 2010. Tiền án; tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

8. **Kpuih K**, sinh năm: 1996, tại huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Trú tại: Làng B, xã Ia P, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jrai; Quốc tịch:Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề Nghiệp: Làm nông; Con ông Siu T, sinh năm 1967 và bà Kpiuh P, sinh năm: 1968, gia đình bị cáo có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2001, bị cáo là con thứ tư trong gia đình có vợ là Rơ Măh X và 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Đại diện ban quản lý rừng phòng hộ xã Ia Púch ông **Phan Quốc H**, sinh năm; 1987

Địa chỉ: Tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo **Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K** có ông **Mai Văn Tấn** là luật sư cộng tác viên của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Người phiên dịch tiếng Jrai ông KSor N**.** (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng cuối tháng 01/2017, do có nhu cầu làm nương rẫy nên Siu T đã đến khu vực núi C, xã I thuộc lâm phần quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ I, tìm hiểu xem khu vực này có thể canh tác được hoa màu không. Tại đây, Siu T thấy có một đám đất có nhiều bụi le và một số cây gỗ nhỏ có đường kính khoảng 13-72 cm trở xuống nên T đã dùng rựa chặt phá, mục đích là để lấy đất làm nương rẫy. T chặt hạ được 4 buổi sáng thì có Rơ Măh L, Rơ Măh B, Rơ Măh Đ, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K đều trú cùng Làng với T đến xin làm cùng. Tất cả cùng thống nhất với nhau cùng nhau chặt hạ cây rừng tại khu vực trên, sau đó gom dọn thân, cành đợi cây khô sẽ đốt và chia đều đất trên diện tích khai phá được để làm rẫy. Siu T, Rơ Măh L, Rơ Măh B, Rơ Măh Đ, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K cùng nhau dùng rựa, rìu, và cưa xăng đốn hạ những cây gỗ trên các lô 3 khoảnh 5, lô 5 khoảnh 7 tiểu khu 920, lô 01 khoảnh 2 và lô 01 khoảnh 3 tiểu khu 924 tại tọa độ OX 0411124; OY1507784 được 8 ngày, đến ngày 06/02/2017 trong lúc tất cả đang chặt hạ cây rừng thì bị lực lương liên ngành của xã Ia Púch phát hiện lập biên bản thu giữ tang vật.

Diện tích rừng các bị cáo chặt hạ qua khám nghiệm xác định là 35.290 m^2 thuộc rừng thường xanh phục hồi thuộc quy hoạch rừng sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ I quản lý.

Số lượng cây gỗ các bị cáo chặt hạ là 226 cây, có đường kính từ 13 - 72 cm, gỗ từ nhóm 01 đến nhóm 08 với khối lượng gỗ bị chặt hạ là 32,084m^3.

Tại Bản Kết luận định giá số: 18/KL-ĐGTS ngày 17/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chư Pr kết luận toàn bộ 32,084m^3 gỗ có giá trị là 41.824.787 đồng (Bốn mươi mốt triệu, tám trăm hai mươi mốt ngàn, bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Căn cứ thông tư liên tịch số 65/2008/TTLT – BNN- BTC ngày 26/5/2008 của liên Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn- Bộ tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 48/2007/NĐ- CP ngày 28 tháng 3 năm 2007 của chính phủ về nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng. Giá trị về môi trường được tính bằng giá trị của rừng về Lâm sản nhân với hệ số k, diện tích 35.290m^3 rừng bị chặt phá là rừng tự nhiên sản xuất, do đó hệ số k được xác định là 3.

+ Giá trị rừng về Lâm sản: 41.824.787 đồng (bốn mươi mốt triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng).

+ Giá trị môi trường: 41.824.787 đồng x 3= 125.474.361 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng).

Tại bản cáo trạng số: 38/CT- VKS ngày 26/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K về tội: "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K phạm tội "*Hủy hoại rừng*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

-Điểm a khoản 3 Điều 189; Điều 20; Điều 53; Các điểm b; p khoản 1; Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm đ khoản 2 Điều 243 của bộ luật hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017, xử phạt bị cáo **Siu T** từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù.

- Điểm a khoản 3 Điều 189; điểm b; p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm đ Khoản 2 Điều 243 của bộ luật hình sự năm 2015; 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017, xử phạt các bị cáo **Rơ Lan T; Rơ Măh Đ** từ 20 (hai mươi) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 40 (bốn mươi) đến 48 (bốn mươi tám) tháng.

-Điểm a khoản 3 Điều 189; điểm b; p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm đ Khoản 2 Điều 243 của bộ luật hình sự năm 2015; 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017, xử phạt các bị cáo **Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K** từ 18 (mười tám) đến 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) đến 40 (bốn mươi) tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng khối lượng gỗ các bị cáo đã chặt hạ là 32,084m^3 trị giá 41.824.787 đồng (bốn mươi mốt triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng), thiệt hại về môi trường các bị cáo gây ra là 125.474.361 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng), quá trình điều tra các bị cáo Siu T, Rơ Măh B, Rơ Măh Đ, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và KPuih K đã nộp bồi thường thiệt hại về cây đứng mỗi bị cáo là 5.228.000 đồng x 7 bị cáo = ***36.596.000 đồng (ba mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng***), riêng bị cáo Rơ Mah L đã nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để bồi thường thiệt hại về cây đứng, về thiệt hại về môi trường các bị cáo đã bồi thường được 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu, cụ thể, các bị cáo Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại về môi trường là 684.295 đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chin mươi lăm đồng), riêng bị cáo Rơ Mah L phải bồi thường số tiền thiệt hại về môi trường là 684.295 đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng), và bồi thường thiệt hại sô tiền về cây đứng là 1.228.000đồng (một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng), tổng số bị

cáo RơMah L phải bồi thường là 1.912.295 đồng (một triệu, chín trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng.

Về vật chứng:

-01 lưỡi rìu bằng kim loại dài 20 cm màu đen, chiều rộng của lưỡi rìu dài 7 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 30 cm, đường kính rộng 2,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 4 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 60 cm, đường kính rộng 2,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 4,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 30 cm, đường kính rộng 3,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 5,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 3,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 2 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 4 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 2 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 4,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 21 cm, đường kính rộng 3 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 6 cm.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Riêng chiếc cưa xăng Rơ Lan T và đồng phạm dùng vào việc cưa cắt cây, khi bị phát hiện các bị cáo đã vứt vào rừng làm hư hỏng, sau đó T đã mang bán đồng nát cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu hồi được.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho các bị cáo ông Mai Văn Tấn trình bày: Hành vi phạm tội của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, trong quá trình Điều tra, Xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa Nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng phòng hộ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K xác nhận khai rằng: Vào khoảng cuối tháng 01/2017 đến ngày 06/02/2017, Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K đã cùng nhau dùng dao rựa, rìu và cưa xăng chặt hạ trái phép cây rừng tại các lô 3 khoảnh 5, lô 5 khoảnh 7 tiểu khu 920, lô

01 khoảnh 2 và lô 01 khoảnh 3 tiểu khu 924 tại tọa độ OX 0411124; OY1507784, với diện tích rừng bị chặt hạ trái phép là 35.290 m2. Thuộc rừng sản xuất do ban quản lý rừng phòng hộ I quản lý để lấy đất làm rẫy, làm thiệt hại về gỗ là 226 cây với khối lượng gỗ bị chặt hạ là 32,084m^3. Qua định giá xác định số gỗ các bị cáo chặt hạ có giá là **41.824.787 đồng** (bốn mươi mốt triệu, tám trăm hai mươi mốt ngàn, bảy trăm tám mươi bảy đồng) và giá trị về môi trường được tính theo hệ số k (41.824.787 đồng x 3)= 125.474.361 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng).

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo phạm tội: " Hủy hoại rừng" Tội Phạm và hình phạt được quy định tại: Điểm a, Khoản 3, Điều 189 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chính sách của Nhà nước về quản lý bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái môi trường, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Diện tích rừng các bị cáo hủy hoại là đặc biệt lớn 35.290 m^2. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành của tội: *"Hủy hoại rừng"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, có tám bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ.

Xét tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra trong vụ án thấy rằng: Tệ nạn khai thác, trái phép cây rừng và chặt phá rừng lấy đất làm nương rẫy thường xuyên diễn ra tại địa bàn, mà rừng là tài sản của Nhà nước, không ai được xâm phạm khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép lẽ ra các bị cáo là người địa phương làm ăn, sinh sống trên địa bàn các bị cáo phải biết đóng góp công sức của mình vào việc bảo vệ rừng, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn, bảo vệ tài sản, tài nguyên rừng. Nhưng các bị cáo đã không làm được điều đó mà còn tự ý mang dao, rìu, cưa xăng chặt phá cây rừng ở các lô 3 khoảnh 5, lô 5 khoảnh 7 tiểu khu 920, lô 01 khoảnh 2 và lô 01 khoảnh 3 tiểu khu 924 tại tọa độ OX 0411124; OY1507784, rừng sản xuất xã I, huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai thuộc Lâm phần của Ban quản lý rừng phòng hộ I trái phép mục đích để lấy đất làm nương rẫy gây thiệt hại diện tích 35.290 m^2 làm thiệt hại về gỗ là 226 cây với khối lượng gỗ bị chặt hạ là 32,084m^3 giá trị thành tiền là: **41.824.787** đồng (bốn mươi mốt triệu, tám trăm hai mươi mốt ngàn, bảy trăm tám mươi bảy đồng) và thiệt hại về giá trị môi trường: 41.824.787 đồng x 3= **125.474.361**đồng (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái môi trường, tạo dư luận

xấu trong cộng đồng, vì vậy phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự là thỏa đáng.

Tuy nhiên vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo là khác nhau, cụ thể như sau:

Đối với bị cáo **Siu T** là người khởi xứng, đã chủ động đi tìm và chặt phá rừng được 4 ngày, sau đó các bị cáo Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K xin được chặt phá cùng thì Siu T đồng ý. Vì vậy bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với các bị cáo **Rơ Măh Đ, Rơ Lan T** là những người giữ vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án, khi thấy Siu T chặt phá rừng biết việc làm đó là sai trái vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo không có lời lẽ khuyên can mà lại đồng tình tham gia một cách tích các bị cáo đã dùng cưa xăng chặt hạ cây rừng, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng đối với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Đối với các bị cáo **Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K** là những người giữ vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án, khi thấy Siu T chặt phá rừng biết việc làm đó là sai trái vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo không có lời lẽ khuyên can mà lại đồng tình tham gia một cách tích cực, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng đối với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên các bị cáo đều là người dân tộc tiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, các bị cáo Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K đều thuộc diện hộ cận nghèo của xã, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thể hiện sự thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đã tích cực bồi thường để khắc phục hậu quả do mình gây ra, và tại phiên tòa Đại diện cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã I xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, vì vậy khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng cho các bị cáo.

Chiếu theo chính sách pháp luật của Nhà nước, đối chiếu với quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và mục đích chính trị tại địa phương cần thiết phải cách ly bị cáo Siu T ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo rèn luyện, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Riêng các bị cáo Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K là những người tham gia số lượng ngày ít hơn so với Siu T, các bị cáo giữ vai trò thứ yếu, vì vậy cần cho các bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương là UBND xã Ia Púch giám sát giáo dục để các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Hậu quả do các bị cáo: Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K gây ra Tổng

khối lượng gỗ các bị cáo đã chặt hạ là 32,084m^3 trị giá 41.824.787 đồng (bốn mươi mốt triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng), thiệt hại về môi trường các bị cáo gây ra là 125.474.361 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng), quá trình điều tra các bị cáo Siu T, Rơ Măh B, Rơ Măh Đ, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và KPuih K đã nộp bồi thường thiệt hại về cây đứng mỗi bị cáo là 5.228.000 đồng x 7 bị cáo = ***36.596.000 đồng (ba mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng***), riêng bị cáo Rơ Mah L đã nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để bồi thường thiệt hại về cây đứng, về thiệt hại về môi trường các bị cáo đã bồi thường được 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), cụ thể mỗi bị cáo là 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng). Buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn thiếu, cụ thể, các bị cáo Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại về môi trường là 684.295 đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chin mươi lăm đồng), riêng bị cáo Rơ Mah L phải bồi thường số tiền thiệt hại về môi trường là 684.295 đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng), và bồi thường thiệt hại sô tiền về cây đứng là 1.228.000đồng (một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng), tổng số bị cáo RơMah L phải bồi thường là 1.912.295 đồng (một triệu, chín trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng.

Về vật chứng:

-01 lưỡi rìu bằng kim loại dài 20 cm màu đen, chiều rộng của lưỡi rìu dài 7 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 30 cm, đường kính rộng 2,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 4 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 60 cm, đường kính rộng 2,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 4,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 30 cm, đường kính rộng 3,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 5,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 3,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 2 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 4 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 2 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 4,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 21 cm, đường kính rộng 3 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 6 cm.

Đây là công cụ các bị cáo sử dụng trong việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố các bị cáo: Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K, phạm tội "Hủy hoại rừng".

-Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 189; Điều 20; Điều 53; Các điểm b; p khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm đ khoản 2 Điều 243 của bộ luật hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017.

Xử phạt bị cáo **Siu T** 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt đi thi hành án.

-Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 189; điểm b; p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm đ Khoản 2 Điều 243 của bộ luật hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017.

Xử phạt bị cáo **Rơ Lan T** 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi). Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày **06/12/2017**.

Xử phạt bị cáo **Rơ Măh Đ** 20 (hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 40 (bốn mươi). Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày **06/12/2017**.

-Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 189; điểm b; p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm đ Khoản 2 Điều 243 của bộ luật hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017.

Xử phạt bị cáo **Rơ Măh B** 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày **06/12/2017**.

Xử phạt bị cáo **Rơ Măh L** 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày **06/12/2017**.

Xử phạt bị cáo **Rơ Lan T** 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày **06/12/2017**.

Xử phạt bị cáo **Rơ Lan T** 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày **06/12/2017**.

Xử phạt bị cáo **Kpuih K** 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày **06/12/2017**.

Áp dụng khoản 2 Điều 60 BLHS: Giao bị cáo Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K cho chính quyền địa phương là UBND xã I giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về dân sự: -Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự;

-Áp dụng Điều 605; Điều 608 Bộ luật dân sự.

Xử buộc các bị cáo Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho Ban Quản lý rừng phòng hộ xã I cụ thể:

* Bị cáo **Siu T** phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã I số tiền là 20.912.393,5 đồng .

Trước đây, Siu T đã nộp số tiền 5.228.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002476 ngày 20/11/2017. Tổng cộng là 20.228.000 đồng, nay được trừ vào số tiền phải bồi thường. Siu T phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là **684.295** đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

*Bị cáo **Rơ Măh Đ** phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã I số tiền là 20.912.393,5 đồng.

Trước đây, bị cáo Rơ Măh Đ đã nộp số tiền 5.228.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002474 ngày 20/11/2017. Tổng cộng là 20.228.000đ, nay được trừ vào số tiền phải bồi thường. Rơ Măh Đ phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là **684.295** đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Bị cáo **Rơ Măh B** phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã Ia Púch số tiền là 20.912.393,5 đồng.

Trước đây, bị cáo **Rơ Măh B** đã nộp số tiền 5.228.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002475 ngày 20/11/2017. Tổng cộng là 20.228.000đ, nay được trừ vào số tiền phải bồi thường. **Rơ Măh B** phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là **684.295** đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Bị cáo **Rơ Lan T** phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã I số tiền là 20.912.393,5 đồng.

Trước đây, bị cáo Rơ Lan T đã nộp số tiền 5.228.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002480 ngày 20/11/2017. Tổng cộng là 20.228.000đ, nay được trừ vào số tiền phải bồi thường. ***Rơ Lan T*** phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là **684.295** đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Bị cáo **Rơ Lan T** phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã I số tiền là 20.912.393,5 đồng.

Trước đây, bị cáo Rơ Lan T đã nộp số tiền 5.228.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002477 ngày 20/11/2017. Tổng cộng là 20.228.000đ, nay được trừ vào số tiền phải bồi thường. ***Rơ Lan T*** phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là **684.295** đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Bị cáo **Rơ Lan T** phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã I số tiền là 20.912.393,5 đồng.

Trước đây, bị cáo Rơ Lan T đã nộp số tiền 5.228.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002478 ngày 20/11/2017. Tổng cộng là 20.228.000đ, nay được trừ vào số tiền phải bồi thường. ***Rơ Lan T*** phải bồi

thường tiếp số tiền còn lại là **684.295 đồng** (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Bị cáo **KPuih K** phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã I số tiền là 20.912.393,5 đồng.

Trước đây, bị cáo KPuih K đã nộp số tiền 5.228.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002481 ngày 20/11/2017. Tổng cộng là 20.228.000đ, nay được trừ vào số tiền phải bồi thường. ***KPuih K*** phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là **684.295** đồng (sáu trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Bị cáo **Rơ Mah L** phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ xã I số tiền là 20.912.393,5 đồng.

Trước đây, bị cáo Rơ Mah L đã nộp số tiền 4.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002440 ngày 27/6/2017và số tiền 15.000.000 đồng nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai theo biên lai thu tiền số 0002479 ngày 20/11/2017. Tổng cộng là 19.000.000 đồng, nay được trừ vào số tiền phải bồi thường. Rơ Mah L phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là **1.912.295** đồng (một triệu, chín trăm mười hai nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 305 BLDS.

3. Về vật chứng: - Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu để tiêu hủy vật chứng sau:

-01 lưỡi rìu bằng kim loại dài 20 cm màu đen, chiều rộng của lưỡi rìu dài 7 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 30 cm, đường kính rộng 2,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 4 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 60 cm, đường kính rộng 2,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 4,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 30 cm, đường kính rộng 3,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 30 cm, chỗ rộng nhất 5,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 3,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 2 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 4 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 25 cm, đường kính rộng 2 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 4,5 cm.

- 01 chiếc rựa cán bằng le dài 21 cm, đường kính rộng 3 cm, lưỡi bằng kim loại dài 25 cm, chỗ rộng nhất 6 cm.

Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/6/2017 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Chư Prông và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông.

***4.* Về án phí hình sự sơ thẩm**: Căn cứ Điều 99 BLTTHS ; Áp dụng Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Siu T, Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự mỗi bị cáo phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng hai khoản án phí các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu là: 500.000đ (năm trăm ngàn đồng)

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/12/2017), các bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo Rơ Măh Đ, Rơ Măh B, Rơ Măh L, Rơ Lan T, Rơ Lan T, Rơ Lan T và Kpuih K.

Nơi nhận:
-VKSND H. Chư Pr;
-CA H. Chư Pr;
-THADS (khi án có hiệu lực);
-Các bị cáo;
-Nguyên đơn DS;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Khả Thế

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Siu H' Thoan **Đặng Hồng Việt** **Lê Khả Thế**